

Số: 15 /2022/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 23 tháng 9 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục, lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG  
KHÓA XVIII – KỲ HỌP THỨ CHÍN (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*



*Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 84/TTr-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục, lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Báo cáo thẩm tra số 32/BC-BPC ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận nhất trí của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án, kế hoạch trong hoạt động thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

2. Đối tượng áp dụng: Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

**Điều 2. Nội dung hỗ trợ; mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

#### **1. Nội dung hỗ trợ**

a) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Điều 2 Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông



nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Giang và khoản 4, Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây viết tắt là Nghị định số 27/2022/NĐ-CP).

b) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 9 Điều 5 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây viết tắt là Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH) và thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây viết tắt là Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT).

c) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và khoản 1, Điều 11 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 03 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây viết tắt là Thông tư số 15/2022/TT-BTC).

2. Mẫu hồ sơ dự án/kế hoạch liên kết: Thực hiện theo Phụ lục I (Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 04, Mẫu số 05) kèm theo Nghị quyết này.

3. Trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết

a) Khảo sát, xây dựng dự án, kế hoạch liên kết

Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án, kế hoạch liên kết theo (Phụ lục I) ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Trên cơ sở kết quả khảo sát và ý kiến thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.

b) Thẩm định và phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết

b1) Trường hợp dự án, kế hoạch liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (Đối với các dự án, kế hoạch liên kết sản xuất được thực hiện trong phạm vi địa bàn từ 2 huyện, thành phố trở lên hoặc đối với các dự án, kế hoạch liên kết sản xuất do đơn vị cấp tỉnh được giao vốn)

Bước 1: Đơn vị chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 của điều này đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cơ quan chủ trì) thông qua Trung tâm phục vụ hành chính công trực thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang.



Bước 2: Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan chủ trì căn cứ vào tính chất, quy mô của dự án tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc cho Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng thẩm định là lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án, kế hoạch liên kết, lãnh đạo các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh, Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh; các sở ngành có liên quan và mời chuyên gia độc lập tham gia (nếu cần thiết).

Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Hội đồng tổ chức thẩm định, nếu hồ sơ đủ điều kiện, Cơ quan chủ trì trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Cơ quan chủ trì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

b2) Trường hợp dự án, kế hoạch liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị do cấp huyện phê duyệt (*Đối với các dự án, kế hoạch liên kết sản xuất thực hiện trong phạm vi địa bàn huyện, thành phố*)

Bước 1: Đơn vị chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 của điều này đến Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế (*cơ quan chủ trì*) thông qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bước 2: Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan chủ trì căn cứ vào tính chất, quy mô của dự án tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc cho Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng thẩm định là lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế; các thành viên là lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn cấp huyện: Tài chính - Kế hoạch, Lao động Thương binh và Xã hội, Dân tộc, Văn phòng điều phối Nông thôn mới huyện; các phòng, ban chuyên môn và chuyên gia độc lập (*nếu cần thiết*).

Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Hội đồng tổ chức thẩm định, nếu hồ sơ đủ điều kiện, Cơ quan chủ trì tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Cơ quan chủ trì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**Điều 3. Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

**1. Nội dung hỗ trợ**

a) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 6, 7, 8 và 9 Điều 5 Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH và Điều 5 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT.

b) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP và Điều 12 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

2. Mẫu hồ sơ: Thực hiện theo Phụ lục II (Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 04) kèm theo Nghị quyết này.

3. Trình tự thủ tục lựa chọn dự án, phương án



a) Xây dựng dự án, phương án: Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để xây dựng dự án, phương án theo Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

b) Thẩm định và phê duyệt dự án, phương án

Bước 1: Cộng đồng dân cư (*Tổ trưởng, Nhóm trưởng*) gửi 01 bộ hồ sơ theo Phụ lục II đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai thực hiện dự án, phương án.

Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp hồ sơ gửi đến Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế (cơ quan chủ trì) thông qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bước 3: Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan chủ trì tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ và Bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Tổ trưởng là lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế; thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất của cộng đồng, đại diện lãnh đạo phòng, ban có liên quan; chuyên gia hoặc người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (*nếu cần thiết*).

Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Tổ thẩm định tổ chức thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện Cơ quan chủ trì có trách nhiệm tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện, Cơ quan chủ trì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

#### **Điều 4. Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ**

1. Nội dung hỗ trợ: Theo quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết này, trên cơ sở đã xem xét khả năng áp dụng hình thức hỗ trợ nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư; hoặc dự án hỗ trợ người dân đang chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường; dự án, mô hình cho các nhóm đối tượng yếu thế; hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh, bình đẳng giới; mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới.

2. Mẫu hồ sơ: Thực hiện theo Phụ lục III (Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03) kèm theo Nghị quyết này.

3. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

a) Xây dựng, phê duyệt dự án

Cơ quan được bố trí kinh phí để thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất giao cho cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì thực hiện dự án tiến hành khảo sát, xây dựng dự án, bao gồm: tên đơn vị đề xuất dự án, loại mô hình, mục tiêu, đối tượng tham gia, thời gian triển khai, địa bàn thực hiện, nội dung, kinh phí, kế hoạch triển khai theo (Mẫu số 01 tại Phụ lục III); trình Thủ trưởng cơ quan được bố trí kinh phí quyết định phê duyệt dự án.

b) Lựa chọn đơn vị đặt hàng



Căn cứ quyết định phê duyệt dự án, cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì dự án hỗ trợ phát triển sản xuất quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công cho đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan quản lý cấp trên và nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác đủ điều kiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.

c) Ký hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định giao nhiệm vụ

Căn cứ kết quả lựa chọn đơn vị đặt hàng cơ quan, đơn vị trực thuộc chủ trì dự án hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng đặt hàng với bên nhận đặt hàng (Mẫu số 02 tại Phụ lục III) hoặc quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng với bên được giao nhiệm vụ, đặt hàng (Mẫu số 03 tại Phụ lục III).

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

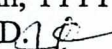
1. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Nghị quyết được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì sẽ áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ Chín (*Chuyên đề*) thông qua ngày 23 tháng 9 năm 2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 10 năm 2022./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu -UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Lao động - Thương binh và Xã hội; Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ủy ban Dân tộc;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh ủy; HĐND, UBND tỉnh; UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khóa XV tỉnh Hà Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVIII;
- Các Sở, ban, ngành, tổ chức CT- XH cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Hà Giang;
- Công TTĐT tỉnh; TTTT - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND. 

**CHỦ TỊCH**



**Thảo Hồng Sơn**



**Phụ lục I**  
**HỒ SƠ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT**  
**THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15 /2022/NQ-HĐND ngày 23/9/2022  
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Mẫu số 01	Đơn đề nghị về việc hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị
Mẫu số 02	Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị
Mẫu số 03	Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết
Mẫu số 04	Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết <i>(hoặc chủ trì liên kết)</i>
Mẫu số 05	Bản cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường



TÊN ĐƠN VỊ  
CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**V/v hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

Kính gửi: (Tên cơ quan được giao chủ trì)

Căn cứ:.....

Tên đơn vị chủ trì kết (Doanh nghiệp, Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã):...

Người đại diện theo pháp luật: .....

Chức vụ:.....

Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax:..... Email: .....

Căn cứ chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị của các chương trình mục tiêu quốc, (Tên đơn vị chủ trì liên kết) đề nghị (tên cơ quan được giao chủ trì) thẩm định và trình phê duyệt Dự án:

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Loại sản phẩm liên kết: .....

2. Địa bàn thực hiện: .....

3. Quy mô liên kết: .....

4. Tiến độ thực hiện dự kiến: .....

**II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC**

1. Nội dung hỗ trợ chi tiết (đề nghị nêu cụ thể từng nội dung chủ trì liên kết đề nghị được nhà nước hỗ trợ):

.....  
.....  
.....  
.....



2. Tổng kinh phí thực hiện dự án:.....; trong đó: Vốn ngân sách nhà nước....., vốn của chủ trì liên kết....., vốn tham gia của bên liên kết....., vốn tín dụng ưu đãi....., vốn lồng ghép thực hiện các chính sách....

3. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ .....

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm): .....

### III. CAM KẾT: (Đơn vị chủ trì liên kết) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm): ..... ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:

**(ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**

*(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)*



TÊN ĐƠN VỊ  
CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

....., ngày ...tháng...năm.....

## DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

### Phần I

## GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

I. TÊN DỰ ÁN: .....

### II. CÁC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA DỰ ÁN

1. Tên đơn vị chủ trì kết (Doanh nghiệp, Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã): .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....

- Chức vụ: .....

- Giấy đăng ký kinh doanh số ....., ngày cấp .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

- Tên đơn vị tham gia liên kết: .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....

- Chức vụ: .....

- Giấy đăng ký kinh doanh số: ....., ngày cấp .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

3. Đối tượng liên kết (cá nhân, hộ gia đình thuộc đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, các tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác)

a) Đại diện đối tượng liên kết: .....

- Người đại diện (được cử hoặc bầu ra): .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail .....

b) Số lượng đối tượng tham gia liên kết: ..... người; trong đó:



- Đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia:..... người, chiếm .....% tổng số hộ tham gia dự án.

- Đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo:.....người, chiếm.....% tổng số hộ tham gia dự án.

**III. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ:** .....

**IV. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ** (*liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án liên kết*) .....

## **Phần II**

### **NỘI DUNG DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**

**I. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN:**.....

1. Mục tiêu tổng quát:.....

2. Mục tiêu cụ thể:.....

**II. TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ TRƯỚC KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG DỰ ÁN**

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn (điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn có liên quan đến việc thực hiện dự án):...

2. Tổng quan về phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị trước khi thực hiện dự án (Kết quả thực hiện sản xuất theo chuỗi giá trị trong 03 năm gần nhất trong trường hợp đã có thời gian thực hiện lâu dài; trường hợp liên kết mới xây dựng, hoặc chưa có báo cáo khái quát tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong 3 năm gần nhất).

3. Sự cần thiết xây dựng dự án.

**III. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**

1. Sản phẩm thực hiện liên kết: .....

2. Quy mô liên kết: .....

3. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết: .....

4. Hình thức liên kết: .....

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết: .....

6. Thị trường sản phẩm của dự án liên kết; đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án liên kết.

7. Các giải pháp thực hiện để đưa dự án vào hoạt động (thuê đất, san lấp mặt bằng, đầu tư vào các trang thiết bị...)

**IV. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ:



.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

2. Đối ứng của đối tượng tham gia của các bên liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

3. Thời gian và kinh phí hỗ trợ

a) Thời gian hỗ trợ (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có) .....

b) Kinh phí hỗ trợ (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)

Tổng số tiền xin hỗ trợ .....

4. Tổng kinh phí thực hiện dự án:.....; trong đó: Vốn ngân sách nhà nước....., vốn của chủ trì liên kết....., vốn tham gia của bên liên kết....., vốn tín dụng ưu đãi....., vốn lồng ghép thực hiện các chính sách....

5. Các hồ sơ gửi kèm (đơn vị chủ trì dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết): .....

**V. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT**

1. Hiệu quả của dự án liên kết (kinh tế, môi trường, xã hội):

- Tạo việc làm cho người dân tham gia dự án;
- Nâng cao thu nhập cho người dân tham gia dự án;
- Khả năng đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

2. Tác động của dự án liên kết (các rủi ro về thị trường, tổ chức thực hiện, các rủi ro khác và giải pháp khắc phục):

**Phần III  
TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ**

**I. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN**

(Đơn vị chủ trì liên kết xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện dự án liên kết. Trong đó phải có kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết)

**II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì liên kết
2. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết
3. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết



### **III. KIẾN NGHỊ**

Ngoài các nội dung nêu trên, đơn vị chủ trì dự án liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án liên kết và phù hợp với điều kiện thực tế.

**CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*



**KẾ HOẠCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LIÊN KẾT**

Tên kế hoạch: .....

Căn cứ:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP**

1. Tên đơn vị chủ trì kết (Doanh nghiệp, Hợp tác xã, liên hiệp Hợp tác xã): .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....

- Chức vụ: .....

- Giấy đăng ký kinh doanh số ....., ngày cấp .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: .....Fax: ..... Email: .....

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

- Tên đơn vị tham gia liên kết: .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....

- Chức vụ: .....

- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp.....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại:.....Fax.....Email:.....

3. Đối tượng liên kết (cá nhân, hộ gia đình thuộc đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, các tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác)

a) Đại diện đối tượng liên kết: .....

- Người đại diện (được cử hoặc bầu ra): .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại:.....Fax: .....E-mail .....

b) Số lượng đối tượng tham gia liên kết: ..... người; trong đó:

- Đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia:..... người, chiếm .....% tổng số hộ tham gia dự án.

- Đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo:.....người, chiếm.....% tổng số hộ tham gia dự án.

4. Địa điểm thực hiện liên kết: .....

**II. THỰC TRẠNG LIÊN KẾT SẢN XUẤT THEI CHUỖI GIÁ TRỊ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG LIÊN KẾT**

1. Thực trạng liên kết

2. Sự cần thiết xây dựng kế hoạch liên kết



### III. NỘI DUNG CỦA LIÊN KẾT

- Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết: .....
- Quy mô liên kết: .....
- Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết: .....
- Hình thức liên kết: .....
- Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết: .....
- Thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

### IV. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

#### 1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ:

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

2. Đối ứng của đối tượng tham gia của các bên liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

#### 3. Thời gian và kinh phí hỗ trợ

a) Thời gian hỗ trợ (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có) .....

b) Kinh phí hỗ trợ (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)

Tổng số tiền xin hỗ trợ .....

4. Tổng kinh phí thực hiện kế hoạch:.....; trong đó: Vốn ngân sách nhà nước....., vốn của chủ trì liên kết....., vốn tham gia của bên liên kết....., vốn tín dụng ưu đãi....., vốn lồng ghép thực hiện các chính sách....

5. Các hồ sơ gửi kèm (đơn vị chủ trì dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ kế hoạch liên kết): .....

### V. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

### VI. KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### VII. KIẾN NGHỊ

**ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



**BẢN THỎA THUẬN  
VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT  
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**

Ngày..... tháng.....năm....., tại: .....  
.....chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết:.....
  - Người đại diện theo pháp luật:.....
  - Chức vụ:.....
  - Giấy đăng ký kinh doanh số.....ngày cấp .....
  - Địa chỉ:.....
  - Điện thoại:.....Fax:.....Email.....
2. Tên đơn vị tham gia liên kết:.....
  - Người đại diện theo pháp luật:.....
  - Chức vụ:.....
  - Giấy đăng ký kinh doanh số.....ngày cấp .....
  - Địa chỉ:.....
  - Điện thoại:.....Fax:.....Email.....
3. ....

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) như sau:

**I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT (HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT):** .....

**II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT**

1. Địa bàn liên kết: .....
2. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết: .....
3. Quy mô liên kết: .....
4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết: .....
5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:.....

**III. TỔNG ĐẦU TƯ CỦA LIÊN KẾT:**..... đồng, trong đó:

1. Số vốn đề nghị hỗ trợ: ..... đồng
2. Đối ứng của các bên tham gia liên kết: ..... đồng
  - .....(tên đơn vị tham gia liên kết):..... đồng
  - .....(tên đơn vị tham gia liên kết):..... đồng
3. Các nguồn vốn khác: ..... đồng



#### **IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT**

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết) .....

2. Các quy định về sửa đổi các nội dung được thỏa thuận.....

.....

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thành.....bản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữ.....bản, chủ đầu tư dự án liên kết.....bản./.

#### **Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết**

**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**BẢN CAM KẾT**

**Bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường**

**Kính gửi:** .....  
(tên cơ quan được giao phê duyệt hồ trợ dự án liên kết)

Chủ chủ trì liên kết: .....,

Người đại diện theo pháp luật: .....

Chức vụ: .....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: ....., Fax: ..... E-mail: .....

Mã số thuế .....

Sản phẩm liên kết:.....

Loại hình liên kết: .....

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực:

Trồng trọt  Lâm nghiệp  Chăn nuôi

Nuôi trồng thủy sản  Thu hái, đánh bắt, khai thác nông lâm thủy sản

(Đánh dấu X vào ô ghi tên lĩnh vực sản xuất và cam kết thực hiện).

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)





**Phụ lục II**  
**HỒ SƠ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15 /2022/NQ-HĐND ngày 23/9/2022*  
*của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Mẫu số 01	Biên bản họp thôn, bản
Mẫu số 02	Đơn đề nghị về việc hỗ trợ dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng
Mẫu số 03	Kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm
Mẫu số 04	Dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng
Mẫu số 05	Bản cam kết của hộ gia đình tham gia dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng



UBND XÃ.....  
Thôn/ Bản/ .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....ngày .... tháng...năm.....

## BIÊN BẢN HỌP THÔN, BẢN

Hôm nay, ngày... tháng... năm ....., tại (ghi rõ địa điểm tổ chức họp) thôn/bản ..... tổ chức họp để: ..... (nêu mục đích cuộc họp).

**1. Thành phần tham dự:** (ghi rõ họ, tên, chức danh người chủ trì); Thư ký cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh); Thành phần tham gia (Đại diện UBND xã, các tổ chức, đoàn thể, số lượng đối tượng tham gia : ...)

- Đại diện UBND xã:

Ông/ bà..... chức vụ.....

Ông/ bà..... chức vụ.....

- Thôn/ bản .....

Ông/bà..... Chức vụ: Trưởng thôn/bản (chủ trì cuộc họp)

Ông/bà..... (thư ký cuộc họp)

- Tổng số hộ dân: ...../..... hộ tham gia.

**2. Nội dung cuộc họp:**

- Phổ biến dự án: Tên dự án, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; định mức kinh tế kỹ thuật, mức chi hỗ trợ dự án...

- Thông báo phương án thực hiện dự án, hỗ trợ của nhà nước, thống nhất về việc đóng góp của thành viên tổ cộng đồng, cơ chế quay vòng vốn (nếu có);

- Thành lập tổ/nhóm cộng đồng tham gia dự án (áp dụng đối với các thôn/bản chưa có tổ/ nhóm cộng đồng): Thành lập tổ/nhóm cộng đồng, bầu ra tổ trưởng/trưởng nhóm làm người đại diện, tổ phó/phó nhóm và các thành viên.

(Thành lập tổ cộng đồng phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo. Có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi);



Sau khi triển khai và thảo luận chúng tôi thống nhất thành lập tổ/nhóm cộng đồng (tên tổ/ nhóm cộng đồng) ..... tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất..... do ông/bà..... Tổ trưởng/ trưởng nhóm làm đại diện. Tổ/nhóm cộng đồng..... gồm .....thành viên danh sách cụ thể như sau:

### 3. Danh sách thành viên tổ/nhóm cộng đồng tham gia dự án:

TT	Tên thành viên tham gia dự án	Ngày tháng năm sinh	Dân tộc	Địa chỉ (thôn, xã)	Thuộc đối tượng (hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, hộ khác)	Chức danh	Đăng ký hỗ trợ	Đối ứng của hộ	Ký xác nhận hoặc điểm chỉ	Ghi chú
						Tổ trưởng/ trưởng nhóm				
						Tổ phó/ phó nhóm				
						Thành viên				Có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi

Cuộc họp kết thúc vào hồi ..... giờ... cùng ngày. Được thông qua và các thành phần đều nhất trí nội dung biên bản. Biên bản này được dùng làm căn cứ để xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất...../.

**Thư ký**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện tổ/nhóm cộng đồng**  
**Tổ trưởng/ trưởng nhóm**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện UBND xã**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Chủ trì**  
(Trưởng thôn/bản)  
(ký, ghi rõ họ tên)



**CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ  
(TỔ, NHÓM HỘ)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**V/v hỗ trợ dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng**

Kính gửi: UBND xã/thị trấn.....

Căn cứ.....

Căn cứ biên bản họp thôn ngày..... tháng .....năm .....

Cộng đồng dân cư đề xuất dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng năm..... gồm các nội dung sau:

Tên cộng đồng dân cư (Tổ, nhóm):.....

Người đại diện (tổ trưởng, nhóm trưởng): .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax:..... Email: .....

Căn cứ chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng của các chương trình mục tiêu quốc gia, (Tên cộng đồng dân cư) đề nghị UBND xã, thị trấn.....xem xét tổng hợp trình UBND huyện thẩm định dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên dự án, phương án: .....

2. Địa bàn thực hiện: .....

3. Số hộ tham gia: .....

4. Tiến độ thực hiện dự kiến: .....

**II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC**

1. Nội dung đề nghị hỗ trợ:

.....  
.....  
.....  
.....  
.....



2. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ .....

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm): .....

**III. CAM KẾT:** Tên cộng đồng dân cư (Tổ, nhóm) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia dự án, phương án theo nội dung đã đăng ký và dự án, phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Cam kết thực hiện luân chuyển bằng hiện vật hoặc thu hồi bằng tiền phần vốn hỗ trợ từ ngân sách khi đến thời hạn thu hồi theo phê duyệt dự án/phương án của cấp có thẩm quyền (nếu có).

5. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

**IV. TÀI LIỆU KÈM THEO** (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm): .....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:

**ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ  
(TỔ, NHÓM TRƯỞNG)**

(Ký, ghi họ tên)



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH TIÊU THỤ SẢN PHẨM**

Dự án/phương án .....

**PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN**

1. Tên dự án/phương án:

.....

2. Mục tiêu của dự án/phương án:

.....

3. Đối tượng tham gia dự án/phương án

- Đại diện cộng đồng dân cư (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).

- Số lượng hộ gia đình nông dân tham gia dự án/phương án (phân theo từng loại đối tượng được quy định theo các chương trình mục tiêu quốc gia)

.....

4. Địa điểm thực hiện dự án/phương án:

.....

5. Thời gian thực hiện dự án/phương án:

.....

6. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện sản xuất:

.....

7. Quy mô sản xuất:

.....

8. Quy trình kỹ thuật áp dụng trong quá trình sản xuất:

.....

9. Hình thức hỗ trợ sản xuất:

.....

**PHẦN II: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, TIÊU THỤ SẢN PHẨM**

1. Nhu cầu sản xuất sản phẩm của cộng đồng dân cư



2. Xác định các hoạt động sản xuất nhằm đáp ứng mục tiêu dự án/phương án của cộng đồng

3. Dự kiến kết quả sản xuất sản phẩm của cộng đồng

4. Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm của cộng đồng

Số lượng sản phẩm tiêu thụ ra thị trường (trong nhân dân, thương lái, hợp tác xã, doanh nghiệp).

5. Phương án bố trí cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất của cộng đồng.

### **PHẦN III. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH**

1. Phương án huy động và sử dụng vốn

Tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn: ngân sách nhà nước (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung, chi tiết các năm), vốn đối ứng tham gia của cộng đồng dân cư, vốn hỗ trợ của doanh nghiệp và hợp tác xã, vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện.

2. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận

### **PHẦN IV. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**

*(Ký và ghi họ tên)*



**CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ  
(TỔ, NHÓM HỘ)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(Tên xã), ngày ..... tháng ..... năm .....

**DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN  
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG<sup>1</sup>**

Căn cứ.....

Căn cứ biên bản họp thôn ngày..... tháng .....năm .....

Cộng đồng dân cư đề xuất dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng năm..... gồm các nội dung sau:

**1. Tên dự án/phương án:.....**

**2. Mục tiêu dự án/phương án:**

- Tạo việc làm, tăng thu nhập; dự kiến số hộ thoát nghèo sau khi tham gia dự án;

- Các mục tiêu cụ thể theo từng dự án/phương án.....

**3. Đối tượng tham gia dự án, phương án:**

**4. Thời gian triển khai:** Thời gian bắt đầu....., thời gian kết thúc....;

**5. Địa bàn thực hiện:** Tại thôn....., xã....., huyện.....

**6. Nội dung dự án/phương án:**

a) Kỹ thuật thực hiện dự án/phương án, quy trình sản xuất, định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng (nêu rõ các yêu cầu chi tiết về mặt kỹ thuật liên quan đến các hoạt động dự án. Ví dụ: Tên giống, chủng loại, yêu cầu chất lượng, số lượng hỗ trợ, các loại vật tư, thiết bị cần thiết, quy trình kỹ thuật áp dụng....)

b) Các hoạt động của dự án/phương án:

- Công tác chuẩn bị: Đất đai, lao động, các đối tượng tham gia dự án ....

- Lập danh sách đối tượng tham gia dự án/phương án theo mẫu sau:

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Hỗ trợ của Nhà nước (triệu đồng)	Trong đó:		Đối ứng (quy theo giá trị) Triệu đồng	Đăng ký vay vốn từ Ngân hàng CSXH (triệu đồng)
				Giống	Vật tư, máy móc		

<sup>1</sup> Xây dựng các dự án hỗ trợ cộng đồng có thời gian thực hiện trên 01 năm. Xây dựng các phương án hỗ trợ cộng đồng có thời gian thực hiện dưới 01 năm.



1							
2							
3	...						

- Cung ứng giống vật tư:.....;
- Tổ chức thực hiện sản xuất ....;
- Tổ chức tiêu thụ sản phẩm (liên kết tiêu với doanh nghiệp, hợp tác xã);
- c) Tiến độ thời gian thực hiện dự án/phương án;
- d) Kiểm tra, giám sát, tổng kết dự án/phương án;

**7. Kinh phí dự kiến thực hiện dự án/phương án (Triệu đồng)**

TT	Nội dung (Chi tiết theo nội dung được hỗ trợ của từng chương trình đã quy định trong nghị quyết)	Đơn vị tính	Tổng dự toán			Chia ra các nguồn			
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ngân sách nhà nước	Đóng góp của người dân	Vay từ Ngân hàng CSXH	Nguồn khác
1									
2									
3	...								
	<b>Tổng kinh phí</b>								

**8. Hình thức, mức quay vòng:** Hình thức thu hồi bằng tiền mặt; tỷ lệ thu hồi...%; mức kinh phí thu hồi..... triệu đồng/hộ; thời gian thu hồi.....; gia hạn thời gian thu hồi.....; giải pháp thu hồi.... (Cụ thể thực hiện theo Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh Hà Giang, quy định về cơ chế quay vòng hỗ trợ phát triển sản xuất tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hà Giang).

**9. Dự kiến kết quả đầu ra của dự án/phương án:**

- Giải quyết việc làm;
- Nâng cao thu nhập cho hộ;
- Số hộ thoát nghèo;

**10. Chế tài xử lý trường hợp vi phạm cam kết:**



**11. Tổ chức thực hiện dự án/phương án:**

- Nêu rõ phương thức tổ chức thực hiện;
- Trách nhiệm của các đối tượng tham gia dự án;

**12. Đề xuất, kiến nghị:.....**

*Ngày.... tháng.....năm.....*  
**DẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**  
**(TỔ, NHÓM TRƯỞNG)**  
*(ký, ghi rõ họ tên)*



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(Tên xã.....), ngày ..... tháng ..... năm ....

**BẢN CAM KẾT CỦA HỘ GIA ĐÌNH**  
**THAM GIA DỰ ÁN/ PHƯƠNG ÁN**  
**HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG**

1. Họ và tên chủ hộ:.....
2. Địa chỉ: Thôn/bản....., xã....., huyện.....
3. Số CCCD/CMTND: ....., do cơ quan công an.....cấp,  
ngày..... tháng.....năm 20.....
4. Số điện thoại:.....

**TÔI XIN CAM KẾT NHƯ SAU:**

1. Tự nguyện, tích cực tham gia thực hiện vào các nội dung của Dự án/phương án) hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án/phương án.

3. Cam kết đảm bảo phần đối ứng của gia đình tham gia thực hiện dự án/phương án) và thực hiện luân chuyển hiện vật hoặc tiền quay vòng theo phê duyệt dự án/ phương án của cấp có thẩm quyền.

4. Nếu vi phạm cam kết, Tôi xin chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Cam kết này được lập thành 03 bản có giá trị như nhau. UBND xã giữ 01 bản; Tổ trưởng, nhóm trưởng giữ 01 bản, cá nhân giữ 01 bản./.

**ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**  
**(TỔ, NHÓM TRƯỞNG)**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN HỘ THAM GIA**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ.....**  
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)





**Phụ lục III**

**HỒ SƠ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT THEO NHIỆM VỤ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15 /2022/NQ -HĐND ngày 23/9/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Mẫu số 01	Đề cương xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ
Mẫu số 02	Hợp đồng về cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước <i>(áp dụng đặt hàng cho nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác)</i>
Mẫu số 03	Quyết định về việc đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước <i>(áp dụng đối với giao nhiệm vụ, đặt hàng cho đơn vị sự nghiệp công lập)</i>



**TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ  
ĐỀ XUẤT DỰ ÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày...tháng...năm.....

**TÊN DỰ ÁN .....**

1. Tên cơ quan đơn vị đề xuất dự án: .....
2. Loại mô hình:.....
3. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số hộ thoát nghèo):.....
4. Đối tượng tham gia:.....
5. Thời gian triển khai:.....
6. Địa bàn thực hiện:.....
7. Nội dung:.....
8. Kinh phí thực hiện:.....
9. Kế hoạch triển khai:.....
10. Tổ chức thực hiện dự án:.....
11. Các nội dung liên quan khác:.....

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ  
ĐỀ XUẤT DỰ ÁN**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Số: /HĐKT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày... tháng... năm...

**HỢP ĐỒNG**

**Về cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước  
(hoặc sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích)**

Căn cứ Bộ Luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 04 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số ..., ngày ... quy định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

Căn cứ Quyết định về giao dự toán ngân sách năm.....

Căn cứ.....

Hôm nay, ngày .... tháng... năm... chúng tôi gồm có:

- Đại diện bên A: (cơ quan, tổ chức ký Hợp đồng đặt hàng:..... )

+ Địa chỉ:.....

+ Điện thoại:....., Fax:.....

+ Mã số thuế (nếu có): .....

+ Tài khoản: .....

+ Do ông (bà):.....

+ Chức vụ: .....làm đại diện

- Đại diện bên B (đơn vị nhận Hợp đồng đặt hàng: .....) )

+ Địa chỉ:.....

+ Điện thoại:....., Fax:.....

+ Mã số thuế (nếu có): .....

+ Tài khoản: .....

+ Do ông (bà):.....

+ Chức vụ: .....làm đại diện

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký hợp đồng đặt hàng với các điều kiện sau:



## **Điều 1. Nội dung hợp đồng đặt hàng**

1. Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng (hoặc danh mục sản phẩm, dịch vụ công ích đặt hàng):

- a) Số lượng, khối lượng đặt hàng.
- b) Chất lượng sản phẩm.
- c) Thời gian triển khai và thời gian hoàn thành.
- d) Đơn giá, giá đặt hàng theo quyết định của cấp có thẩm quyền.
- đ) Giá trị hợp đồng, trong đó chi tiết theo các nguồn sau:

- Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng (theo giá tính đủ chi phí) hoặc kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công (trường hợp giá chưa tính đủ chi phí).

- Nguồn phí được để lại chi cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo pháp luật về phí và lệ phí.

- Nguồn thu dịch vụ sự nghiệp công theo giá dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước định giá.

- Nguồn khác (nếu có).

e) Phương thức thanh toán, quyết toán.

g) Phương thức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm.

h) Quyền và nghĩa vụ của đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.

i) Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức đặt hàng.

k) Trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng; phương thức giải quyết.

l) Ngoài ra, các bên có thể bổ sung một số nội dung khác nhưng không trái với quy định của pháp luật.

2. Đối với hợp đồng sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, ngoài các nội dung tại điểm 1 nêu trên, tùy theo tính chất sản phẩm đặt hàng để bổ sung các nội dung sau:

- Số lượng, khối lượng sản phẩm, dịch vụ công ích được trợ giá.
- Mức trợ giá, số tiền được trợ giá.
- Doanh thu, chi phí sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.
- Chi phí hợp lý sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.
- Giá tiêu thụ; giá sản phẩm dịch vụ.
- Giao hàng: thời gian, địa điểm, phương thức.
- Trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng và phương thức giải quyết.
- Nội dung quy định khác theo pháp luật chuyên ngành (nếu có).



3. Ngoài các nội dung hợp đồng đặt hàng tại điểm 1 và điểm 2 nêu trên, các bộ, cơ quan trung ương, các địa phương có thể bổ sung một số nội dung khác về hợp đồng đặt hàng để phù hợp với yêu cầu quản lý đối với từng lĩnh vực cụ thể hoặc theo mẫu hợp đồng theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

**Điều 2. Trách nhiệm mỗi bên**

**Điều 3. Điều khoản khác**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

*(Chữ ký, dấu)*

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

*(Chữ ký, dấu)*

**Họ và tên**

**Họ và tên**



TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ  
QUẢN TRỰC TIẾP (NẾU CÓ)  
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-....

..., ngày... tháng... năm...

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công  
sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

### THẨM QUYỀN BAN HÀNH<sup>1</sup>

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Quyết định ..... quy định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị .....

Căn cứ Quyết định về giao dự toán ngân sách năm .....

Căn cứ .....

Xét đề nghị của .....

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước năm... cho đơn vị sự nghiệp công lập..., với các nội dung chính như sau:

1. Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

a) Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công đặt hàng.

b) Chất lượng dịch vụ sự nghiệp công.

c) Thời gian triển khai và thời gian hoàn thành.

d) Đơn giá, giá đặt hàng theo quyết định của cấp có thẩm quyền

đ) Dự toán kinh phí đặt hàng, trong đó chi tiết theo các nguồn sau:

- Nguồn ngân sách nhà nước đặt hàng (theo giá tính đủ chi phí) hoặc kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công (trường hợp giá chưa tính đủ chi phí).

- Nguồn phí được để lại chi cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo

---

<sup>1</sup> Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan quản lý trực thuộc được ủy quyền.



pháp luật về phí và lệ phí.

- Nguồn thu dịch vụ sự nghiệp công theo giá dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước định giá.

- Nguồn khác (nếu có).

e) Phương thức thanh toán, quyết toán;

g) Phương thức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm;

h) Quyền và nghĩa vụ của đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

i) Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức đặt hàng;

k) Ngoài ra, có thể bổ sung một số nội dung khác nhưng không trái với quy định của pháp luật.

\* Ngoài các nội dung đặt hàng nêu trên, các bộ, cơ quan trung ương, các địa phương có thể bổ sung một số nội dung khác về đặt hàng để phù hợp với yêu cầu quản lý đối với từng lĩnh vực cụ thể hoặc theo nội dung đặt hàng theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

2. Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước ... (nội dung như khoản 1 nêu trên).

3. Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước ... (nội dung như khoản 1 nêu trên).

**Điều 2.** Căn cứ đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, Thủ trưởng đơn vị.....thực hiện theo đúng nội dung đặt hàng tại Điều 1 Quyết định này, quy định của Luật ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Thủ trưởng đơn vị ..... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;

- Lưu: VT,...

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

*(Chữ ký, dấu)*

**Họ và tên**